

Bản án số: 20/2019/HS-PT.
Ngày: 06-3-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Thích-Kiểm sát viên.

Trong ngày 06-3-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLPT-HS ngày 10-01-2019 đối với các bị cáo Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L do có kháng cáo của các bị cáo Đ, M, T và L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 05-12-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Thị Thanh Đ; Sinh năm: 1955; Nơi sinh: Thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Thanh H (chết) và bà Đinh Thị R (sống); Có chồng là ông Lâm Văn K, sinh năm 1957 và có 07 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1989; Anh chị em ruột có 07, người lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1976; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 29-11-2017 bị Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính với số tiền là 9.000.000 đồng về hành vi đánh bạc và dùng nhà, chỗ ở của mình hoặc phương tiện, địa điểm khác để chứa bạc (Đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 01-12-2017); Tiền án: Có 01 tiền án, vào ngày 15-9-2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Làm nhục người khác” (Đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự và án phí); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-5-2018 cho đến nay. (có mặt)

2. Lê Văn M; Sinh năm: 1966; Nơi sinh: Thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Có vợ là bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1966 và có 04 người con, lớn nhất sinh 1989, nhỏ nhất sinh 1994; Có 02 tiền sự: 1. Vào ngày 20-8-2017 bị Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 08-12-2017); 2. Vào ngày 23-11-2017 bị Công an thị xã L, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 23-11-2017); Tiền án: Không; Nhân thân: 01 lần vào ngày 07-8-2013 bị Tòa án nhân dân huyện L (nay là thị xã L), tỉnh Hậu Giang xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Đã xóa án tích); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-5-2018 cho đến nay. (có mặt)

3. Lê Thị T; Sinh năm: 1975; Nơi sinh: Xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị T2 (chết); Có chồng là ông Nguyễn Văn T3 (đã ly hôn) và có 02 người con, sinh năm 1992 và năm 1998; Có 02 tiền sự: 1. Vào ngày 16-8-2016 bị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (Chưa chấp hành quyết định); 2. Vào ngày 20-8-2017 bị Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 08-12-2017); Tiền án: Không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-5-2018 cho đến nay. (có mặt)

4. Trương Phước L; Sinh năm: 1981; Nơi sinh: Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm C, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn P (sống) và bà Đỗ Thị Hồng M (sống); Có vợ là bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1976 và có 03 người con, lớn nhất sinh 2008, nhỏ nhất sinh 2016; Tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 20-11-2017 bị Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 20-11-2017); Tiền án: Không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-5-2018 cho đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người làm chứng Phan Thị Hồng H, Dương Minh Dương N1, Bùi Công D, Nguyễn Thị N2, Lê Thị Thúy K, Lê Văn L1, Lê Thị L2, Nguyễn Thị T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 10 phút, ngày 10-3-2018, lực lượng Công an thuộc Công an thị xã N phối hợp với Công an tỉnh Sóc Trăng tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tụ điểm đánh bài ăn tiền do Phan Văn Q tổ chức để thu tiền xâu tại khóm T, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Lực lượng Công an bắt quả tang 13 người tham gia đánh bạc là Lê Thị T, Trương Phước L, Lê Văn L1, Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Hoàng T5, Lê Thị L1, Dương Minh Dương N1, Nguyễn Thị T2, Bùi Công D, Nguyễn Thị N3, Lê Thị Thúy K, Phan Thị Hồng H. Đồng thời, lực lượng Công an thu giữ được các vật chứng gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 600.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các con bạc chứng minh dùng vào việc đánh bạc là 1.370.000 đồng (Số tiền 250.000 đồng thu trên người của Dương Minh Dương N1 đã được xử lý bằng hình thức tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo Quyết định xử phạt hành chính số 33/QĐ-XPVPHC ngày 08-6-2018 của Công an thị xã N nên số tiền thu giữ trên người các con bạc còn lại là 1.120.000 đồng); 03 chiếc chiếu lát; 36 lá bài đã qua sử dụng; 16 bộ bài tây còn trong hộp chưa sử dụng và 02 đèn pin.

Qua công tác điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Những người tham gia đánh bạc là Lê Thị T, Trương Phước L, Lê Văn L1, Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Hoàng T4, Lê Thị L2, Dương Minh Dương N1, Nguyễn Thị T3, Bùi Công D; Hình thức đánh bạc là chơi bài binh 06 lá (bài binh ăn độ), có 04 tụ, trong đó 01 tụ làm cái và 03 tụ đặt tiền cược và những người còn lại đứng bên ngoài tham gia ké thanh, số tiền đặt mỗi tụ dao động từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, còn các đối tượng tham gia ké thanh thì ké thanh với số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Mỗi tụ làm cái 03 bàn thì đổi sang tụ khác. Nếu làm cái thắng thì Q thu tiền xâu là 20.000 đồng, còn thua thì Q thu tiền xâu là 10.000 đồng.

Quá trình điều tra xác minh nhân thân, đã xác định 05 người có tiền sự về hành vi đánh bạc là Lê Thị T, Trương Phước L, Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M và Lê Hoàng T5 nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định khởi tố bị can đối với 05 người này. Sau khi bị khởi tố bị can, Lê Hoàng T5 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự và đã ra Quyết định truy nã đối với Lê Hoàng T5. Đối với Lê Văn L1, Dương Minh Dương N1, Nguyễn Thị T4, Lê Thị L1 và Bùi Công D có hành vi tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an thị xã N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền là 1.500.000 đồng. Đối với Phan Văn Q được xác định là đối tượng tổ chức, lấy xâu tại sòng bài nhưng hiện tại đã bỏ địa phương đi nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh và có hình thức xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 05-12-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lý Thị Thanh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên phạt bị cáo Lý Thị Thanh Đ 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên phạt bị cáo Lê Văn M 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên phạt bị cáo Lê Thị T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Tuyên bố bị cáo Trương Phước L phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên phạt bị cáo Trương Phước L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 17-12-2018, các bị cáo Lê Văn M và Lê Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đến ngày 18-12-2018, bị cáo Lý Thị Thanh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đến ngày 19-12-2018, bị cáo Trương Phước L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Đ, M, T và L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Đ, M, T và L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn M, Lê Thị T, Lý Thị Thanh Đ, Trương Phước L lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào các ngày 17, 18, 19-12-2018 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L như sau: Vào ngày 10-3-2018, các bị cáo Đ, M, T và L bị lực lượng Công an bắt quả tang trong khi tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền tại tụ điểm của Dương Văn Q tổ chức ở khóm T, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Lực lượng Công an thu giữ được số tiền dùng để đánh bạc là 1.370.000 đồng. Đồng thời, các bị cáo đều có tiền sự về hành vi đánh bạc. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đ: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án và 01 tiền sự; trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có chồng là ông Lâm Văn K là thương binh hạng ba/bốn; bị cáo có công chăm sóc, nuôi dưỡng 02 trẻ mồ côi theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo Đ là người có nhân thân xấu và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Đ, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 10 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì một trong những điều kiện để cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là người đó phải có nhân thân tốt. Trong vụ án này, bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, trước khi phạm tội đã

có 01 tiền án và 01 tiền sự nên bị cáo Đ không đủ điều kiện được hưởng án treo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đ và giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đ.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo M: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo M là người có nhân thân xấu, có 02 tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo M là người có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo M, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo M 09 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì một trong những điều kiện để cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là người đó phải có nhân thân tốt. Trong vụ án này, bị cáo M là người có nhân thân xấu, trước khi phạm tội đã có 02 tiền sự nên bị cáo M không đủ điều kiện được hưởng án treo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo M và giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo M.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T là người có nhân thân xấu, có 02 tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không biết chữ, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T là người có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là

phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì một trong những điều kiện để cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là người đó phải có nhân thân tốt. Trong vụ án này, bị cáo T là người có nhân thân xấu trước khi phạm tội đã có 02 tiền sự nên bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo. Đồng thời, trong vụ án này trong quá trình điều tra bị cáo T bị truy nã, theo quy định khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định những trường hợp không được hưởng án treo là “Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã” nên bị cáo T không được hưởng án treo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T và giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo L: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo L là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét, áp dụng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo L là người có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo L, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo L 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì một trong những điều kiện để cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là người đó phải có nhân thân tốt. Trong vụ án này, bị cáo L là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự nên bị cáo L không đủ điều kiện được hưởng án treo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo L và giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo L.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Lý Thị Thanh Đ là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí hình sự phúc thẩm, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án hình sự phúc thẩm cho bị cáo Đ.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Lý Thị Thanh Đ, Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lý Thị Thanh Đ 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Phước L 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Lê Văn M, Lê Thị T và Trương Phước L, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Lý Thị Thanh Đ được miễn án hình sự phúc thẩm.

7. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo (04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ